

## Tiếp xúc văn hóa trong quá khứ đến kinh nghiệm mở rộng

### Nâng cao chất lượng giáo dục đời sống hôm nay

Đinh Văn

Đức

GS trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG HN

Việt Nam từ cuối thế kỷ 19 đã bước vào một thời kỳ mới trong lịch sử một trong những nội dung quan trọng đó là hội nhập quốc tế để cùng phát triển. Rõ ràng là trong lịch sử có những vấn đề trước kia chúng ta rất quan tâm thì bây giờ đã lùi vào hậu trường những vấn đề cũng những vấn đề mới đang đặt ra trong số đó có rất nhiều khía cạnh mà chúng tôi cho rằng vấn đề giao lưu giữa các nền văn hóa khác với Việt Nam trong quá khứ đã tạo ra những kinh nghiệm cho phát triển hôm nay trong điều kiện hoà bình và hội nhập là một trong những khía cạnh quan trọng của giáo dục.

Để xác định những vấn đề này cũng cần nhìn thấy rõ là nên bắt đầu từ đâu và cần có một quan niệm như thế nào về tiếp xúc văn hóa trong giáo dục Việt Nam, với nội dung vì cái gì gìn giữ sự văn hóa dân tộc trong phát triển và đó cũng là một kinh nghiệm tốt cho việc phát triển đời sống.

Trên thế giới về tiếp xúc văn hóa giữa các nền văn hóa về giao lưu đó là qui luật tất yếu và trong quá trình tiếp xúc mỗi nền văn hóa bản địa đã có những gì thay đổi, những gì bắt buộc những gì là khả biến và cái gì làm thành cốt lõi và vấn đề văn hóa, cái cốt lõi này quy định những tính năng của một dân tộc và đưa họ đi tới giai đoạn này sang giai đoạn khác. Trong quá khứ thì Việt Nam văn hóa đã có những tiếp xúc với những nền văn hóa khác nhau trong đó tiếp xúc với văn hóa Hán có cả từ ngàn năm và có những tiếp xúc diễn ra trong vài trăm năm và thậm chí chủ yếu diễn ra trong vài chục năm, những lâu dài hay ít đều có để lại những dấu ấn những định hình và những dấu ấn đó ngược lại Việt Nam rất dễ nhận ra trong quá trình hành xử của mình.

Ở đây vấn đề quan trọng nhất là sự tiếp xúc đó được người Việt Nam thực hiện như thế nào khi tiếp xúc văn hóa rất phức tạp thậm chí còn có cả mâu thuẫn, những điều kiện tốt yếu nhất trong quá trình đó ngược lại Việt Nam tôn trọng những giá trị phổ quát (Universal) để tìm cách

*nhập địa hóa*

và tạo ra những đặc thù (Particular) cho mình và vì vậy cho nên là văn hóa Việt Nam trong tiếp xúc với quốc tế luôn luôn có những mặt bản sắc riêng, bản sắc riêng đó có được là nhờ nhập địa hóa tốt nhất

Sự tiếp xúc đầu tiên của văn hóa Việt Nam đã diễn ra rất dài trên một vùng văn hóa Trung Hoa và tiếp xúc đó quan trọng nhất là qua kênh nho giáo và văn tự và văn hóa Việt Nam từ thế kỷ XVII trở đi bắt đầu có những tiếp xúc với phương Tây trước tiên với người Bồ Đào Nha sau đó với người Hà Lan, người Anh sau nữa là người Pháp. Những tiếp xúc với phương Tây của Việt

Nam đã di chuyển ra sau khi đã có sự chuyển biến và kinh nghiệm ngàn năm với sự tiếp xúc văn hoá giữa Việt và Hán.

Vấn đề nho giáo Việt Nam, nguyên nhân Việt tiếp xúc với phương Tây trên thực tế cách là sự có mặt văn hoá có hình thức nhưng tinh thần nguyên bản mà nho giáo này đã được diễn đạt trong bài *Đã hoá Việt Nam*

chúng không còn là nho giáo thuần túy Trung Hoa. Trong một thời gian khá dài nhiều nhà nghiên cứu nước ngoài đã nghĩ rằng những nguyên nhân của văn hoá Việt Nam chính là một nhánh của văn hoá Trung Quốc nhưng rõ ràng điều này đã bị thực tế không xác nhận. Nho giáo xuất xứ từ Trung Hoa là hình thức tinh thần dày đặc được truyền bá từ đời này qua đời khác như một hình thức tinh thần chính trị của phong kiến Trung Hoa. Nho giáo này đã vào Việt Nam khi Việt Nam đã được lập, có phong kiến tiếp quy và con đường quan trọng nhất là kênh khoa cử. Nội dung của nho giáo Trung Hoa hình thức tinh thần lý trung quân làm tiêu chí quan trọng nhất vì đức nhân là của vua và thần dân có trách nhiệm là tuân thủ vua và theo vua, sự nghiêm chỉnh vì vua, trung quân là tiêu chí sự một. Tại sao như vậy? vì nước Trung Hoa đã tự cho mình là bông hoa quý giá, là quốc gia quý giá và hoàng đế Trung Hoa thay thế cai quản Trung Quốc (cái nước quý giá) đó: Miền đất của lưu vực sông Hoàng Hà và sông Vĩ Thuỷ được mở rộng. Tuy nhiên, Việt Nam vào một thời kỳ khác, nước Việt Nam là một nước nhỏ mà lại luôn luôn bị xâm lược, luôn luôn trở về nguy cơ đồng hoá và thực tế bị xâm lược và bị đô hộ từ một ngàn năm bởi vậy người Việt Nam còn có một tinh thần rất lớn mà là tinh thần được lập, tinh thần tiếp nhận nho giáo, kết nối với nho giáo bằng một văn hoá hai là Ái quốc, là tinh thần yêu nước. Trung quân đã đành rồi vì chấp nhận phong kiến, nhưng ái quốc mới là quan trọng bởi vì đời với người Việt Nam thì sự hạnh phúc và sự thịnh vượng của dân tộc là điều quan trọng nhất vì vậy nho giáo khi đến Việt Nam thì đã được phương hóa, nhận mình vào được truyền thống ái quốc. Nhà vua là đời di sản cho dân tộc, đời di sản cho đất nước thì nhà vua không chỉ trị vì thiên hạ mà nhà vua cũng phải có tinh thần yêu nước vì vậy cho nên không lạ là khi bị xâm lăng hay khi bị một nước thì các vua là những người có trách nhiệm và có tinh thần có hành động hàng đầu của quốc gia chúng chống xâm lăng. Chắc hẳn khi được lập đời nay chúng ta thấy vua Lê Đức Hành đời các vua Trần Nhân Tông, Lê Thái Tông đời Quang Trung rồi những nhà vua về sau như vua Hàm Nghi, vua Duy Tân, vua Thành Thái đều là những nhà vua yêu nước và có trách nhiệm hàng đầu của quốc gia chúng thực hành tinh thần và những hành vi yêu nước. Tinh thần ái quốc kết tinh thành truyền thống đã thấm nhuần trong chính nghĩa yêu nước hiện đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh với phát ngôn nổi tiếng: “Không có gì quý hơn Độc lập Tự do” (1966). Hồ Chí Minh vừa là nhà lãnh đạo đất nước nhưng cũng đồng thời là nhà yêu nước nổi tiếng và có thể nói rằng tất cả sự nghiệp của Hồ Chí Minh là vì dân vì nước. Đó cũng là sự thấm nhuần văn hoá Việt Nam tiếp truyền thống hiện đại.

Việt Nam cũng như có lòng yêu nước, làm mọi việc cho nước, đã trở thành có công lớn trong phong trào giải phóng dân tộc xoá bỏ chế độ thực dân trong nửa đầu thế kỷ XX. Việt Nam cũng là nơi tiếp nhận kinh nghiệm mô hình kinh tế xã hội chính nghĩa tiếp trung, kết hợp xã hội hoá những chính nghĩa yêu nước, lòng mong muốn “dân giàu nước mạnh”; Việt Nam không do dự thực hiện công cuộc đổi mới khi cần thiết cho lợi ích quốc gia và vì lợi ích dân tộc. Khía cạnh văn hoá của chính nghĩa yêu nước nó nằm sâu trong tinh thần của người dân và người Việt luôn tìm cách diễn đạt hóa các tinh thần có được tiếp xúc với bên ngoài. Nó vẫn là đồng nghiệp của ngày hôm nay khi mà chúng ta phát triển xã hội theo hướng hiện đại hoá. Nếu không có lòng yêu nước không có lòng tận hào dân tộc không có ý thức vì được lập dân tộc thì cũng không thể nào phát triển được kinh tế, xã hội. Khi hiểu của chúng ta hôm nay là Việt Nam phải được

cho một xã hội mà "dân giàu nước mạnh dân chủ công bằng văn minh"; đây cũng.

Nội dung của văn hoá Việt Nam trong thời kỳ mới đi lên tiếp nhận những thành tựu của nền văn minh và tiếp cận các thành quả trong các hoạt động và  
*Sứ mệnh của nền giáo dục Việt Nam trong thời kỳ hiện đại*

Giáo dục của chúng ta nay có nhiệm vụ mục tiêu nào là đào tạo nhân tài nào là đào tạo người nào là đáp ứng nhu cầu xã hội,... tất cả những điều đó là những nhu cầu và là mong muốn của là những thi đua hăng hái của bù đắp. Giáo dục nước ta từ nay đến năm 2020 và những năm sau có nhiệm vụ đòi hỏi cấp bách mà nước không bình tĩnh, không xuất phát từ nền văn minh Việt để tìm triết lý thì rất khó khăn. Không có triết lý thì không thể hành động thích hợp được.

Giáo dục, bao gồm cả giáo dục đời sống, nay tuy còn có nhiệm vụ khó khăn và những điều bất cập nhưng rõ ràng là giáo dục Việt Nam trong mấy chục năm qua đã tích cực tham gia vào sứ mệnh là xoá đói giảm nghèo và góp phần đưa nước ta vào những công cuộc gia thu nhập trung bình Hiện nay, theo chúng tôi văn hoá tiếp nhận của lòng yêu nước cũng tiếp tục thúc đẩy đời sống Việt Nam tham gia tiếp vào sứ mệnh xoá đói giảm nghèo trước khi đến nước bước vào thời kỳ phát triển theo hướng hiện đại năm 2020.

Tôi sao lại nói như vậy?

Xin có vài lý giải: Thứ tiên là trong cái tiếp xúc quá khứ thì văn minh là yếu tố văn hoá có khả năng bắt nhịp rất nhanh vào những cuộc gia có nền văn minh nông nghiệp để biến thành nông thôn mới mà 90% thậm chí gần 100% người dân sống và hoạt động. Nền văn minh đó lúc đầu rất khó tiếp cận với nền văn minh phương Tây, nó xa lạ với văn minh phương Tây rất khó khăn và luôn bị kìm hãm như những tờ giấy "lịch nước, lịch nhà" khi nền văn minh Việt Nam đã không còn nữa và đã uyển chuyển để khai thác và dần dần tiếp nhận kết quả trong thế kỷ 20. Tất cả rất đáng kể trong số các thành quả ví dụ như phong kiến Việt Nam trong thế kỷ XVIII, XIX xung quanh với văn minh phương Tây và đặc biệt là số các thành quả và sự đổi mới với thiên chúa giáo nhưng mà người Việt Nam cũng bình tĩnh nhìn nhận những khía cạnh hợp lý của văn minh phương Tây.

Trong nửa cuối thế kỷ 19 và nửa đầu thế kỷ 20, Việt Nam kiên quyết chấp nhận cách tân nô dịch của thực dân Pháp, những nền di sản văn hoá Pháp trong sự tiếp xúc Pháp Việt. Điều này đã đưa tới sự chuyển biến văn hoá Việt Nam khá mạnh mẽ trong các lĩnh vực khoa học, giáo dục và văn hoá. Sự tiếp xúc Pháp Việt vượt ra ngoài tầm kiểm soát của chính nghĩa thực dân Pháp ở Việt Nam và nó mang lại cho Việt Nam một luồng gió mới trên rất nhiều phương diện mà theo đó rất nhiều người cho rằng chính nghĩa báo hại thực dân. Trong các lĩnh vực đổi mới sống mà ta gọi là tân thời (văn hoá nghệ thuật giáo dục khoa học) người Việt Nam không thụ động là bắt chước Tây mà nhận diện để tiếp cận những giá trị của văn hoá phương Tây và tiếp nhận nó một cách rất tự nhiên bằng những cách và khi đã tiếp nhận thì cũng kiên quyết đi tiếp. Lịch sử tiến trình Việt Nam thì cũng đã có mấy lần đổi mới đầu tiên là Việt Nam đã chấp nhận văn minh coi đây là một hình thức tiếp nhận giúp cho việc tiếp cận phát triển nền văn minh để tiếp dân tộc với chế độ phong kiến, sau đó văn hoá Việt Nam đã tiếp nhận chế độ mới khi tiếp cận với văn hoá và văn minh phương Tây,

Mũi dùi là sự đổi mới khi nước Việt Nam giành độc lập thống nhất đi theo xu hướng độc lập, tự chủ đời sống, tham gia toàn cầu hoá mà vẫn giữ gìn bản sắc Việt Nam. Tất nhiên không chỉ có Việt Nam mà nhiều nước cũng làm như thế nhưng rõ ràng là chúng ta có ý thức và vốn dĩ đó chúng ta có hành động và vốn dĩ đó chúng ta cũng mong muốn và vốn dĩ đó, khi đất nước của ta đổi sang Độc lập.

Quả thật trong tiếp xúc văn hoá với nước ngoài chúng ta cũng rất nhiều hiện tượng phức tạp mâu thuẫn nhưng chúng ta phải thấy cái gì là cái yêu cầu cần bản, yêu cầu cần bản đó là bảo tồn những truyền thống hai là phát triển độc lập trong những điều kiện mới trong những bối cảnh mới và mới là tái cấu trúc thì Việt Nam không phải bắt chước mà Việt Nam phải tự mình hoá giải các mâu thuẫn để biến sự tiếp xúc đó thành nội lực của mình. Tôi lấy một ví dụ, là những ngôn ngữ học chúng tôi rất hiểu rất rõ giá trị của cách thức Hán Việt. Rõ ràng tiếng Hán vào Việt Nam với một áp lực vô cùng mạnh mẽ bởi vì cái mạnh mẽ ấy không chỉ là áp lực của một nền văn hoá lớn mà còn sức mạnh của tiếng Hán trong khu vực còn là sức mạnh của nho giáo và nền kinh tế Hán. Riêng với một nhà nước thì chính sách đổi mới hoá của phong kiến phương Bắc đã gây ra bao khó khăn cho văn hoá Việt những tiếng Hán vào Việt Nam đã không làm cho tiếng Việt bị Hán hoá mà ngược lại tiếng Hán đã được Việt hoá. Hơn thế nữa cách thức Hán Việt đã trở thành một kết quả tuyệt vời trong cuộc giao lưu văn hoá giữa Hán ngữ và Việt ngữ. Ngày nay chúng ta thấy tuy 65% vốn từ vựng tiếng Việt hiện đại, được biết những thuật ngữ khoa học, xã hội, chính trị hình thành từ vốn Hán Việt kết hợp những lĩnh vực mới nhất nhất là kết thuật số hoá, truyền thông, tiếp thị, công nghệ thông tin... ngược lại sự đóng góp Hán Việt nhất là một cái vốn tốt của tiếng Việt vì nó được Việt hoá, Việt hoá trong phát âm Việt hoá trong cách sử dụng và Việt hoá trong khi gia nhập vào hệ thống Việt. Tuy nhiên chúng ta thấy không đơn giản là vì truyền thống văn hoá Việt có từ lâu, khi nho giáo vào Việt Nam thì nước Việt Nam đã có hàng ngàn năm trước đã có lãnh thổ rộng lớn và đã xác lập cái nền cho văn hoá Việt có thể tiếp nhận và có thể tiếp nhận được một hoá được cái mới. Chúng ta thấy với một tôn giáo Thiên chúa giáo là một tôn giáo hoàn toàn mang tính chất phương Tây lúc đầu khi tiếp cận bản địa Việt Nam thì bắt đầu những điều rất nhiều những sau đó được một phần những Việt Nam tiếp nhận. Sự hoá giải giữa thiên chúa giáo với một đất nước phong kiến và nho giáo quá phức tạp khó khăn và các kết quả gian khổ nhưng ngày nay đất nước Việt Nam có tới kho tàng 7 triệu bà con giáo dân sống đồng hành cùng với Tổ quốc, dân tộc Việt Nam hoà nhập chung với cộng đồng Việt cùng tồn tại với những phần khác và nhiều tôn giáo khác, mà sự chung quy được là gì, mà sự chung đó chính là văn hoá Việt Nam và trên hết là Tổ quốc Việt Nam dân tộc Việt Nam con người Việt Nam và những giá trị Việt từ đời này qua đời khác. Ngược lại khó khăn những được những một một ngôi làng trong nông thôn Việt Nam thì đất này có nhà thờ thiên chúa giáo đất kia làng thì có chùa rồi có đất thờ thành hoàng và tất cả đất chung sống trong một mái nhà. Phần gian khổ nhất là những kinh nghiệm quá khứ phải thấy, có dân tộc có am hiểu và chính trị am hiểu và văn hoá thế nào thì mới tiếp nhận được thành công quan trọng đó là đạo đức và ý. Chính vì những Việt Nam hiểu được rằng tôn giáo có những mặt tích cực và nó có thể góp phần vào việc phát triển xã hội Việt Nam và nó cũng chính là cầu nối tiếp xúc văn hoá đông tây. Có thể nói rằng sự tiếp xúc văn hoá trong quá khứ giữa Việt Nam và Hán giữa Việt Nam và phương Tây đã tạo nên hai luồng cơ sở cho sự hình thành và phát triển những rất nhiều những các phát triển xã hội được biết trong lĩnh vực xã hội và nhân văn trong quãng thời gian kết thúc khi nước Việt Nam giành độc lập độc lập nay và hai dòng đó cũng luôn luôn tồn tại trong một phần những mà dĩ nhiên đây chúng tôi sẽ phân tích được khía cạnh giáo dục nhất là một trong những nét phần phần rất rõ được trình bày này. Văn hoá Việt Nam đã có kinh nghiệm trong tiếp xúc hai dòng văn hoá là tiếp xúc với nho giáo

vì những nguyên tắc có tính tín đồ và tiếp xúc với những phương Tây học mà ta thấy giáo dục là tiếp xúc khoa học, thiên về lý trí và đạo đức khác hẳn với truyền thống nghiêm ngặt của chúng ta và cũng như của nho giáo.

.....

Vấn đề thứ hai mà chúng tôi muốn đề cập trong tham luận này là sự tiếp xúc văn hoá Việt Nam trên bình diện học hành là trên bình diện giáo dục

Như chúng ta đã biết trước khi tiếp xúc với phương Tây thì Việt Nam đã có hệ đào tạo riêng về mặt giáo dục, về cơ bản, được cấu trúc theo nho giáo. Có thể nói rằng giáo dục theo nho giáo là giáo dục theo nguyên tắc của chúng ta và đạo đức nhưng mà mục đích đào tạo như những người theo khoa cử và thi khoa cử là để làm quan và làm quan là để cai trị giữ nguyên tắc của phép nước theo lối thói phong kiến giữ vững trật tự của vua. Theo đó, lối đào tạo suốt cả mấy nghìn năm

*không phải để đào tạo người làm cho xã hội*

không phải để phát triển mà để duy trì nền cai trị của chế độ phong kiến mà mặt nước nông nghiệp. Đó là những người Việt Nam trong khi tiếp xúc với văn hoá Hán đã tìm cách nối tiếp văn hoá nho giáo nhưng mà như chúng ta đã biết chế độ khoa cử khi Việt Nam bắt đầu thực hiện (Nhà Lý) và được biết là được thi Lê là thi cử mà việc đào tạo đi vào bài bản rồi thì mục tiêu cuối cùng vẫn là đào tạo ra những người làm quan. Thế đó hình thành nên mặt nguyên tắc của chúng ta đã

*hành chính hoá nền giáo dục Việt Nam*

theo những điều như chế độ mà cho đến tận ngày hôm nay trong nền giáo dục hiện đại của chúng ta vẫn chưa thay đổi chế độ thi cử là bao. Mọi gia đình đều mong con học để đi để thoát nghèo, để có công việc xã hội (gần với quy định hành chính). Hơn vì thế có thể nói nội dung thi cử và thi giáo dục ngày nay là làm sao giữ gìn tính nho giáo truyền thống qua chế độ thi cử và cung cách đào tạo ngày nay.

Tuy vậy nền giáo dục phong kiến mang tính chất chặt chẽ đôi khi gọi là hà khắc đó mặt mặt đào tạo ra những người có tri thức mang đầy tính giáo dục thì ưu tính thực tiễn hàng ngày về mặt tiêu chuẩn là đào tạo ra những người có kinh nghiệm trong cai trị nhưng mặt mặt khác giáo dục kiểu đó cũng đã đào tạo ra những con người có khả năng tư duy rất cao. Đào tạo theo hệ thống giáo dục theo kiểu nho giáo thì người thầy dạy theo những nội dung giáo dục đã được định sẵn như những người học trò phải tìm hiểu tiếp xúc “dùi mài kinh sử” với các sách các bộ kinh điển và những gì nền giáo dục quy định. Khả năng tư duy dù tư duy trong khuôn phép của những giáo dục như rõ ràng đào tạo tư duy xoay xoay rất giỏi trong học thuật. Nền giáo dục này không đào tạo người lao động, nó mang tính khép kín, tính giới hạn thì ưu nhược điểm, học về khoa cử gần liền với quy định và được biết là cai trị và quản trị.

Khi Việt Nam bắt đầu tiếp xúc với nền giáo dục kiểu của phương Tây thì tình hình có thay đổi. Sự tiếp xúc này đưa đến những những thực tiễn gần như đạo đức của những giá trị truyền thống của nho giáo và rõ ràng trong tiếp xúc với người Việt Nam cũng đã tiếp nhận sự đổi mới,

đời mới nghĩa là không giữ nguyên cái cũ nữa mà phải có cách tiếp cận mới và đổi mới mà làm được việc đó phải có tư duy phân tích, phê phán nghĩa là phải có lô gích để khám phá bản chất và các quy luật của vấn đề. Phê phán không phải để ngoài phê phán mà đi tìm bên trong và phải nhìn thấy những cái khiếm khuyết của hàng thế giới giáo dục nhỏ giáo mà phải có cách lý giải mới thì mới giải quyết được khó khăn của đời học tập.

Tiếp xúc giáo dục của Việt Nam và phương Tây tiêu biểu nhất là cuộc thi năm 19 khi mà nước Pháp thực dân bắt đầu đô hộ Việt Nam và kéo dài tới gần 80 năm. Nước giáo dục mới này mang không khí của châu Âu thay vì trước kia là lấy châu Á làm trung tâm. Những cái cách giáo dục tuy phương Tây nhưng cái mới những cái này có ba vấn đề là a) sự tiếp xúc tự nhiên và b) chấp nhận sự tham gia của nhà nước tức là chính quyền chấp nhận thực dân Pháp, c) thi bằng Hán học và đời học tập chấp nhận. Ngoài những biện pháp hành chính của chính quyền thực dân như là mở trường dạy tiếng Pháp mở trường Pháp - Việt rồi chế định chế việc thi bằng Hán, trên thực tế và trên lý thuyết chấp nhận sự hiện diện của giáo dục Hán học ở Việt Nam. Đầu thế kỷ 20 chính quyền Pháp đã cho xây dựng đời học tập Đông Dương ví dụ như trường Y năm 1906 rồi những trường sau đó tới năm 1908 thì hình mẫu giáo dục đời học tập cũng được nhanh chóng tiếp nhận được những tiêu chuẩn đào tạo cũng bắt đầu chuyển sang đào tạo nguồn lực, nguồn lực này vấn là để phục vụ cho chế độ cai trị, duy trì chế độ thực dân cho nên tuy cung cách đã thay đổi nhưng mục tiêu vẫn chưa thay đổi. Chế độ thực dân Pháp chấp nhận bao giờ để mục tiêu đào tạo nguồn lực cho thu được của bởi vì nguồn đào tạo nguồn lực cho thu được của là đào tạo ra một hàng thế giới chấp nhận đời thực dân của chính quyền mà vấn đề là nó muốn đào tạo ra một hàng thế giới những người bản địa thực thi những cái quan niệm của chế độ thực dân tại Việt Nam. Nếu đã phân tích phân tích trước tiếp xúc với Hán hay với Pháp thì văn hóa Việt Nam nó có một nguyên tắc là tìm cái có lợi cho mình cách nào để hóa theo nguyên tắc lợi ích. Vì vậy ngay từ đầu tiếp xúc với phương Tây qua nước giáo dục thực dân Pháp thì người Việt Nam vấn tiếp nhận kỹ thuật và đưa vào đó những tư tưởng mới để tìm cách cứu nước, tìm cách giành lợi ích cho dân tộc. Không phải ngẫu nhiên mà tư cách của của nước giáo dục kiểu phương Tây, giáo dục Việt Nam trong thời kỳ mở đầu đào tạo ra một hàng thế giới những người mới văn hóa truyền thống và văn hóa hiện đại rồi trở thành những chiến sĩ cách mạng trung kiên của công cuộc giải phóng dân tộc chấp nhận đời thực dân: Chúng ta thấy từ Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp và nhiều nhà cách mạng tiêu biểu khác có đi qua hàng thế giới giáo dục Pháp - Việt đã là những người tiếp thu được cái tư tưởng mới với giáo dục những không phải trở thành công cụ của chế độ thực dân mà ngược lại đã đi tiên phong chấp nhận đời thực dân, giải phóng dân tộc mang lợi ích cho dân tộc cho Việt Nam. Mô hình giáo dục mới có những đặc điểm tạo ra những hàng thế giới Việt Nam và theo chúng tôi có ba điểm cần phải lưu ý là a) giáo dục phương Tây, trước hết là tiếp cận với giáo dục Pháp. đã đưa đến Việt Nam một tư duy mới về khoa học công nghệ là đào tạo những người làm quan giúp cho hàng thì bây giờ tư duy mới đã giúp cho các trí thức Việt Nam thấy cần xuất phát từ thực tế của nước Việt Nam, thứ hai tìm hiểu xem những cái gì đã cần trong các hoạt động thực tiễn trước hết là tư duy sách vở kinh điển của nho giáo, thứ ba là tư duy này giúp gì cho việc hình thành cái tính cách Việt Nam mới, thứ nữa là đời mới thì đời mới bằng những phương pháp cách gì? Những câu hỏi này và nguồn lực để có thể tìm thấy trong giáo dục kiểu mới của châu Âu tuy nhiên những tư duy đó phải thừa hưởng cái kỹ năng thao tác. Để quản lý những nhà nước này bắt đầu giải quyết ở Việt Nam theo nguyên tắc lôgic tức là dựa trên phân tích, dựa trên chấp nhận chấp không phải dựa trên tín hiệu vì vậy nó giải quyết cho những người học và công nghệ ở đây những trí thức mới và xã hội.

Thực ra tiếp xúc giáo dục Âu châu không phải đời Việt Nam tiếp xúc bằng việc mở trường học hay bằng những chính sách giáo dục của gia đình cho con cháu quyên Pháp mà nó đi qua con đường Tân học và sự tiếp xúc với sự đổi mới của nền văn minh láng giềng Trung Hoa. Tiếp xúc của một phong trào Tân học cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 Trung quốc đã ảnh hưởng đời Việt Nam và ngược lại tác động đến các cách thức những người tiếp xúc như Phan Châu Trinh rồi Lương Văn Can, Nguyễn Quý, ... với chủ trương xây dựng trường học hiện đại mà dựa trên đời mới tiếp xúc thì rõ ràng thực dân Pháp không thích. Đông kinh nghĩa thực đã bị giới thiệu (1907) vì người Pháp cũng hiểu không khí dân chúng đời Việt Nam thì nó sẽ có tác động những thế nào đời với nền trường học của thực dân.

Tuy nhiên phải thấy rằng giáo dục lúc đó Pháp muốn đưa giáo dục Hán học để thi đỗ làm quan giáo dục thực dân của mình nhưng mà đây là trong điều kiện của có đời trường học. Tiếp sau năm 1930 trở đi khi mà đời Việt Nam có phong trào yêu nước của đảng Cộng sản thì tình hình có thay đổi. Nền giáo dục của Pháp tiếp tục hoàn toàn mong muốn thi đỗ làm quan cho dân thì đời tiếp tục 30 trở đi Pháp bắt đầu thấy rằng không thể duy trì chế độ xã hội hiện đại cũ có tính chất áp đặt vì người dân mới khi đã hiểu ra người ta sẽ đi theo con đường sống. Vì vậy trong chính sách giáo dục Pháp cũng có sự nhìn nhận những điều kiện và đưa cho những người tiếp xúc giáo dục tiếp cận vào đời Việt Nam dần dần hiện. Đó là triết lý giáo dục mang tính dân chủ mang tính nhân quyền và dân quyền của cách mạng Pháp năm 1789. Không phải người nhiên Việt Nam trong giai đoạn 1930 – 1945, trong đó bao hàm cả giáo dục, có sự cải tiến, sự cải tiến đó chính chính theo chúng tôi nghĩ có đời trường học. Một sự ngược lại của sự trung kiên những của giai đoạn này đi ra tiếp cận giáo dục Pháp và chính học cũng đã nhận thấy được một tiếp cận khoa học, tiếp xúc phần lớn và óc phê phán của tiếp xúc văn hóa phương Tây trong đó có giáo dục Pháp. Tiếp tục 30 bắt đầu có nhu cầu du học sinh, tiếp xúc tiếp xúc con cái tiếp xúc tiếp xúc khá giỏi và các học bằng của chính phủ Pháp đã cấp cho một số người có thể qua Pháp học được và sau này chúng ta thấy rằng những người tiếp xúc đi học những không trở thành quan lại không trở thành tay sai của pháp mà trở thành những nhà nghiên cứu những nhà khoa học, kỹ thuật, những nhà trí thức đời tính dân tộc và khi cách mạng thành công thì học sinh sàng lọc bằng những quy định và tiếp xúc tiếp xúc và những học danh đời mà đi theo cách mạng.

Như vậy tiếp xúc tiếp xúc tiếp xúc yêu nước đã thấm sâu vào xã hội văn hóa Việt Nam và vào trí thức Việt Nam. Thực tế mà nói thì tiếp xúc giáo dục Pháp - Việt đã mở đường cho một tiếp xúc trí thức mới của dân tộc Việt Nam, được đi tìm chung của trí thức đó là có tính dân tộc có lòng yêu nước và một tiếp xúc phần lớn trong sự những người trí thức tiếp xúc đã đi theo Hồ Chí Minh bởi vì những tiếp xúc tiếp xúc Hồ Chí Minh cũng là người đời đi tìm cho lòng yêu nước, đời đi tìm cho một tiếp xúc tiếp xúc trí thức Việt Nam lại có nhu cầu tiếp xúc văn hóa quốc tế trong đó có văn hóa Pháp. Hồ Chí Minh là người đời đã nhu cầu những khi tiếp xúc với văn hóa Pháp cho nên khả năng chinh phục của người đời là rất lớn đời với trí thức Việt Nam mà Người đời trở thành người đời tiếp xúc tiếp xúc tiếp xúc yêu nước.

Giáo dục Pháp - Việt trong thời kỳ tiếp xúc có những học ngoài mong muốn của các quan chức thực dân và thực dân thì đào tạo ra máy cai trị không theo nhu cầu giáo dục mà theo hành chính pháp luật hiện đại phương Tây và đó cũng chính là được đời Việt Nam khi đời đời đời các tiếp xúc

Tiếp sau khi cách mạng tháng 8 thành công thì nền giáo dục Việt Nam bước vào giai đoạn mới

và trong vòng sáu mươi năm qua tình hình có một số thay đổi về tư tưởng văn hóa của chúng ta. Trước đây tư tưởng văn hóa của Pháp thì sau này tư tưởng văn hóa của Việt Nam được biết về giáo dục có những thay đổi rất là quan trọng.

Số tư tưởng văn hóa của giáo dục Việt Nam sau cách mạng tháng 8 có thể tạm chia thành ba giai đoạn như sau, giai đoạn đầu sau năm 1945 - 1954 đó là thời kỳ tư tưởng văn hóa mà trước đó đã có những xu hướng nhân văn, Triết học đó là vì cuộc kháng chiến chống Pháp diễn ra, mặt mặt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp những Việt Nam không bài xích những Pháp nói chung và nhân dân Pháp mà ngược lại tình đoàn kết giữa những người Pháp chân chính với cuộc kháng chiến của Việt Nam cũng được thể hiện rất rõ. Giai đoạn này thì văn hóa Việt Nam theo một quán tính tư tưởng văn hóa, nó có gì là nhân văn vì chúng ta bắt tách biệt, bắt bao vây bởi chính quyền Pháp vì vậy cho nên những gì còn tư tưởng văn hóa trong giáo dục thì mang tính chất quán tính của những gì đã sẵn có trước cách mạng Tháng 8: Chúng ta thấy ở bậc phổ thông khung đào tạo vẫn như cũ với bậc học tiểu học, trung học, chuyên khoa, các trường nghệ thuật và bậc đại học tiến lên Việt Bắc học vào khu 4 giảng dạy nội dung mà những khung đào tạo vẫn theo kiểu Pháp. Từ năm 1950 trở đi sau chiến tranh rồi khai thông biên giới thì Việt Nam bắt đầu có những tư tưởng văn hóa từ các nước dân chủ nhân dân Trung Quốc, Liên Xô, các nước Đông Âu và số tư tưởng văn hóa mà này cũng mang lại luồng gió theo kiểu mà cho giáo dục. Nhiệm vụ "tốt cho tốt, đấu tranh" cho nên những giao lưu với mặt văn hóa giáo dục cùng với giao lưu với mặt chính trị đều có cùng với mục tiêu là giải phóng dân tộc.

Riêng với mặt giáo dục thì Việt Nam có sự thay đổi khá rõ do có số tư tưởng văn hóa của kiểu mà, từ năm 1951 đào tạo giáo dục phổ thông của Việt Nam bắt đầu chuyển từ học theo Pháp thu hẹp sang học 9 năm rồi sau đó theo học 10 năm của các nước xã hội chủ nghĩa ( mô hình Xô Viết) với việc học này chia thành học cấp 1 cấp 2 cấp 3, Sự thay đổi này trước hết là sự thay đổi về khung đào tạo và nội dung chương trình. Kết quả của số tư tưởng văn hóa mà cũng thể hiện ở bậc đại học từ năm 1951 các trường nghệ thuật Việt Nam ở vùng kháng chiến chuyển sang giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Việt đây là một tiến bộ lớn của giáo dục và khoa học Việt Nam. Tuy nhiên cách dạy và cách học ở bậc đại học vẫn theo nguyên tắc cũ nghĩa là theo kiểu Pháp, dù rằng những nội dung khoa học tự nhiên và xã hội đã được cải tiến nhiều tinh thần của Việt Nam đã giành được độc lập và quy tâm báo về cái đức lập. Đây là một thời kỳ chuyển tiếp.

Giai đoạn thời hai thập niên 1954 - 1975 đất nước Việt Nam tạm thời chia thành hai miền, hoàn cảnh lịch sử địa phương Việt Nam có hai tư tưởng văn hóa khác nhau, mặt bên là tư tưởng văn hóa giữa miền bắc với văn hóa các nước dân chủ nhân dân và sau là các nước xã hội chủ nghĩa còn ở miền nam thì có số tư tưởng văn hóa với phương Tây trước kia là văn hóa Pháp sau này dần dần tư tưởng văn hóa với văn hóa Mỹ và số tư tưởng văn hóa hai miền đều địa phương những tác động khác nhau. Riêng với mặt giáo dục, ở miền bắc được biết có sự chuyển biến lớn kể từ sau năm 1954 là việc mở trường các trường nghệ thuật và đào tạo theo mô hình Xô Viết. Việt Nam đã gửi đi đào tạo một loạt giáo viên cũng như các chuyên viên kể ở Liên Xô và các nước Đông Âu trở về tăng cường nguồn lực cho các trường nghệ thuật. Các trường nghệ thuật theo mô hình mà có bậc học khác nhau chống học nhân văn bậc đại học sau đó là bậc nghiên cứu sinh và không có bậc cao học và đào tạo thì theo niên chế. Tuy đa ngành đa lĩnh vực nhưng có sự chú ý nhiều hơn đến khoa học cơ bản như đó đại học Việt Nam trở thành nhân tố rất quan trọng Đẩy mạnh đào tạo những người tài năng sau năm 1954 - 1975 khoa học cơ bản Việt Nam những ngành toán, vật lý, công nghệ, hoá học, sinh học, địa, vật lý là những ngành mà trước kia chúng ta chưa có sự thì giải



đây có hàng loạt những người đi tiên đi sau thành những chuyên gia và nhà văn nghệ thuật đã được tăng cường một cách rất cơ bản những tiếp xúc quốc tế, văn phòng người đi tiên kết thúc chúng ta cũng đã có những ngành như chế tạo máy, metallurgy, hóa chất, dệt, giao thông vận tải, xây dựng, nghĩa là qua tiếp xúc quốc tế Việt Nam xây dựng một hệ thống đời sống khá hoàn chỉnh những miền bao gồm những ngành khoa học cơ bản khoa học công nghệ khoa học nông nghiệp trong khi đào tạo môn học cơ bản những văn thì phòng người đi tiên người đi sau có ý nghĩa hơn là tính thực hành và khả năng sáng tạo. Chúng ta cũng xác lập được những ngành văn nghệ thuật trong đào tạo cơ bản những ngành văn một khoa học sáng tạo được biết nghiên cứu triển khai tạo cơ bản lý thuyết đến thực tế rõ ràng là văn chương là mũi nhọn.

Những miền nam thì hệ đời sống sau 1954 cũng đã được cải tiến chuyển từ hệ thống Pháp sang hệ thống Mỹ nhất là cơ bản sau đời sống tiếp trung vào lĩnh vực cao học và những ngành như nông lâm nghiệp văn học. Có hai tiếp xúc của miền bắc và miền nam đến lúc thống nhất đất nước Việt Nam sau năm 1975 đã bổ sung cho nhau và tạo nên hệ thống giáo dục đào tạo người đi tiên hoàn chỉnh và dĩ nhiên quan trọng là những tiếp xúc quốc tế văn giáo dục đã mang lại hiệu quả lớn trong việc tạo nguồn cho Việt Nam và có thể nói đây chính là cơ sở cho chúng ta phát triển giáo dục sau này nhất là thời kỳ có công cuộc đổi mới. Để đi tìm đào tạo chuyên ngành Pháp pháp luật chuyên ngành Liên Xô sau đó hòa nhập với dòng chảy cách đào tạo của Mỹ đã tiếp hợp lại và Việt Nam lại một lần nữa tìm cách nối tiếp và hoá những gì mà hệ tiếp được mà tiếp nhận được qua các tiếp xúc văn giáo dục.

Việc chuyển hệ thống giáo dục đời sống đời sống tiếp Pháp thu nhập tuý sang giáo dục văn nghệ tiếp Việt những miền bắc từ năm 1951 những miền nam từ năm 1961 đã cho thấy thành tựu ưu tiên của việc nối tiếp và hoá trong tiếp xúc văn hoá trước kia không ai có thể hình dung được người ta có thể đổi đời sống những tiếp Việt cho tất cả các ngành các nghề những người cùng nó đã trở thành hiệu quả thực tế sau đó là những nội dung giáo dục theo phương châm: “Cơ bản-Việt Nam-Hiến định” trên cơ sở những cái khung khác nhau đến đến nó cũng hình thành một cái khung của Việt Nam. Cái khung đó là không phải là mô phỏng những người ta nghĩ mà dựa trên hệ thống những kinh nghiệm thực tế và những kinh nghiệm, người ta thấy rằng *nối tiếp và hoá* này phù hợp với thực tế Việt Nam và cách làm của Việt Nam.

Công cuộc đổi mới 1986 có tính cách mở trong sự phát triển của Việt Nam bởi vì nó đã thay đổi những quan điểm rất cơ bản trong việc phát triển xã hội được biết những xã hội và các phát triển bản văn. Thời kỳ này thì Việt Nam không còn tiếp xúc theo kiểu *tiếp xúc mở*

những giai đoạn trước mà theo khu vực Việt Nam sẵn sàng làm bản văn và các nước trong công việc tiếp xúc giáo dục, nội dung là hội nhập kinh tế sau đó hội nhập đa diện hơn. Lúc này, tiếp xúc của nước ta trong vòng 30 năm qua trở nên rất đa dạng mang lại nhiều cơ hội và kết quả thực tiễn chứng tỏ là đã có hàng ngàn hàng vạn người được đào tạo các quốc gia khác nhau những người gia truyền thực tế và các quốc gia mới và là nguồn lực mới để phát triển thông qua tiếp xúc giáo dục đến những văn hoá Việt Nam cũng rất được tích cực giáo dục thi đua giao lưu văn nghệ. Việt Nam đang trong thời kỳ chuyển đổi, rất nhiều mô hình đây đã được thực nghiệm theo hướng mới trong các giáo dục đào tạo nghiên cứu khoa học và phát triển văn hoá, lúc đó chúng ta cũng có những lung tung và những do dự thậm chí sai sót những lầm lẫn từ đây thì đến đến đã bình tĩnh hơn tin hơn và Việt Nam đã bắt đầu một quá trình mới là chuyển



*bách khoa là các trường học và công nghệ và kỹ thuật  
và các trường học  
khoa học xã hội và nhân văn*

là đào tạo con người. Các cấp đào tạo này có thể là ngắn hạn và cùng với các trường học cao đẳng công nghệ các đời học khác thì đào tạo ra nhiều loại bao gồm cả những người có trình độ cao và phải đào tạo ra những người có trình độ trung bình và những người lao động lành nghề mà thế trường học lao động luôn luôn tìm kiếm.

Trong khi tiếp xúc quốc tế đời học cả chúng ta cũng phải tạo được cân đối giữa các thành phần khác nhau như đã nói là một thế gian chúng ta quá tập trung chú trọng vào việc phát triển khoa học cả bên coi như khoa học công nghệ thì người người ngày nay tránh những khuyến khích khuyến khích theo công nghệ mà coi như việc đào tạo khoa học cả bên và phải đi bên hai chân rẽ trái rẽ phải khoa học cả bên và phát triển khoa học công nghệ để biệt trong lĩnh vực công nghệ, nông nghiệp và ngành mới nhất là tin học Trong học thế giới giáo dục đời học nghiên cứu có một vai trò chủ chốt trong việc đào tạo những chuyên gia cao cấp những nhà khoa học và những nhà nghiên cứu cần thiết cho nền kinh tế đời học tạo ra tri thức mới những hỗ trợ cho các học thế giới sáng tạo. Chúng tôi muốn nói điều này vì nó gắn với lợi ích và trách nhiệm của đời học Quốc gia Hà Nội trong cái sự mở rộng đời học Quốc gia Hà Nội mong muốn học thế giới là một trường học đời học nghiên cứu đa ngành mũi nhọn chất lượng cao và có khả năng hội nhập quốc tế và trong mong muốn hội nhập quốc tế đó thì phải sớm trở thành một đời học có tính cạnh tranh cao thế giới có khả năng đào tạo, có nguồn lực làm thế nào tham gia sự phát triển đất nước mà thế giới đời học cả mình Tự nhiên đây có vai trò của thế thân đời học và có vai trò của nhà nước trong việc đầu tư và nhất là kết hợp cả hai chức năng đó.

Nhân nói về đời học công nghiệp quốc tế.

Phải nói rằng đời học trên thế giới thì có rất nhiều trường học mở rộng học thế giới và trí thức công nghiệp quốc tế và việc này đang trở nên phổ biến vì đời học về công nghiệp quốc tế thì cũng là cái chủ nhân mà bất kỳ quốc gia nào cũng khát khao vươn tới. Ngay cả Mỹ có bên nghìn trường học đời học những đời học mang công nghiệp thế giới cũng chỉ vài chục trường học, những trường học nổi tiếng như đời học Harvard, Yale, Princeton, Columbia,... ở nước ta việc mở rộng học thế giới xây dựng trường học đời học công nghiệp quốc tế cần thiết nhưng những cũng thế giới phải tích cực học thế giới. Đời học công nghiệp quốc tế đời học nghĩa cũng có khi là đời học nghĩa về khái niệm đời học tinh hoa, do vậy người ta để cho rằng những quốc gia đang phát triển thì khó lòng để đời học bên những nền giáo dục tiên tiến có truyền thống lâu đời như Anh, Pháp, Mỹ, Nhật Bản mới về đời học vì điều đó không phải là dễ. Tuy nhiên bài học cả thế chúng ta thế giới những trường học đời học ở Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore, Australia gần đây vươn lên cả học rất mạnh mẽ và có những học thế giới là tầm cỡ quốc tế là mô hình học là kinh nghiệm đời học cho đời học Việt Nam học thế giới và học thế giới xây dựng thế giới học hiu, xây dựng công nghiệp khu vực, thế giới công nghiệp khu vực tiến xa là công nghiệp quốc tế.

Chúng tôi cho rằng phải đi thế giới bên có chức năng và chức năng này theo chúng tôi nghĩ thì nên là chức năng học thế giới tự nhiên học thế giới thế giới là công nghiệp quốc tế cả mình đời tiếp cận đời công nghiệp thế giới chỉ không phải làm PR đời mà trở

thành đồng nghiệp công, có hai vị trí khác nhau một là sự công nhận ngoại ngữ và thứ hai là tiếp trung để làm PR nhằm xây dựng đồng nghiệp công quốc tế. Cái thứ nhất phải tiếp nhận công việc ra cái thứ hai chỉ không bao giờ cái thứ hai tạo ra cái thứ nhất vì vậy cho nên muốn cho một vài đồng nghiệp Việt Nam vượt lên đồng nghiệp trong sự các trường cùng nhóm ở trong nước thì đó mới mong tìm ra con đường phù hợp để tiếp cận với thế trong môi trường quan các trường đồng nghiệp trong khu vực. Rõ ràng là "độc tặc biệt" tức là muốn cũng vậy cũng không xong được, cũng rõ ràng không có một mô thức hay một khuôn mẫu nào cho ta có thể nhanh chóng tiếp cận với trí tuệ vì xã hội nay cũng chỉ có một định nghĩa học đồng nghiệp nào với đồng nghiệp đồng nghiệp thế giới hay đồng nghiệp công quốc tế. Việt Nam trong thời kỳ hiện nay chúng ta có tiêu chí để mà so sánh, trường kia chúng ta chỉ so sánh với mình nhưng bây giờ chúng ta có rất nhiều để so sánh với các nước xung quanh chúng ta Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Trung Quốc và có những nước tiến bộ nhanh hơn ví dụ như trong khu vực chúng ta có Singapore, Chúng ta cũng gặp các môi trường với các đồng nghiệp truyền thống của các nước Đức, Ba Lan, Nga, Trung Quốc và cũng những đồng nghiệp mới như Nhật Bản, Mỹ, Philippines Tây,... thứ hai chúng ta có để tiếp cận cạnh tranh, trường kia trong thời kỳ bao công các trường đồng nghiệp làm nhiệm vụ của mình theo kế hoạch, trên giao nhiệm vụ hàng năm chúng ta thực hiện theo kế hoạch còn bây giờ các trường muốn xác định được công việc của mình thì phải cạnh tranh, cuộc cạnh tranh ở trong nước chúng ta thực ra đã biệt lập và đang trở nên rất quy tắc liệt kê các trường không phải chỉ trong khu vực công lập mà cả trong khu vực tư nhân và cuộc cạnh tranh đó sẽ làm cho cái mong muốn của chúng ta có một thực thể hiện. Còn nhìn vào biểu ngữ (slogan) của các trường đồng nghiệp chúng ta thấy rằng trường nào cũng có những tiến lên, vươn lên giành lấy vị trí trong cuộc cạnh tranh nội địa và trong khi cạnh tranh nội địa như vậy trường nào cũng tìm cách tiếp cận quốc tế và tìm cách tiếp cận những kinh nghiệm quốc tế áp dụng cho mình và rõ ràng trong sự suy nghĩ đó cũng tiếp cận nội địa hoá các tiếp xúc quốc tế.

Một trường đồng nghiệp quốc tế mới ở Việt Nam cũng khác với trường đồng nghiệp Việt Nam ở thời Việt Nam học tiếp kinh nghiệm quốc tế, các nhà lãnh đạo của các đồng nghiệp cũng luôn luôn muốn xuất phát từ thực tiễn của mình chỉ không hoàn toàn biệt lập như những khuôn mẫu và kinh nghiệm cho thấy khi nào mà biệt lập mà mô phỏng là chúng ta thực tế còn khi nào chúng ta xuất phát từ thực tiễn Việt Nam dù khó đến bao nhiêu thì nhiệm vụ chúng ta cũng có thể thực hiện được có thể hoàn thành được, đây không chỉ kinh nghiệm đồng nghiệp kinh nghiệm cách mạng Việt Nam cũng vậy, tức là khi nào để công tác chỉ suy nghĩ trên thực tế của mình tìm ra giải pháp thì chúng ta luôn luôn giành được thắng lợi.

Vài mươi năm gần đây thuật ngữ đồng nghiệp đồng nghiệp thế giới hay đồng nghiệp công quốc tế đã trở nên quen thuộc mang nghĩa là đồng nghiệp tích cực của thị trường, tích cực nghiên cứu mà quan trọng hơn nó phát triển năng lực cạnh tranh trong môi trường giáo dục. Giáo dục đồng nghiệp nước ta công nhận lĩnh vực thích ứng và sáng tạo để đồng nghiệp tiếp cận tìm cách tiếp cận đa tiếp cận hoá lợi ích thu được từ những đồng nghiệp và tìm kiếm những mô hình mới, phù hợp với thực tế. Học ngoại ngữ một đồng nghiệp đồng nghiệp công thế giới là mong muốn, là khát vọng, những một cách của đoạn có những ví dụ như Ansbach (2004) đã nói rằng "Mọi người ở đâu muốn có trường đồng nghiệp đồng nghiệp công thế giới những chỉ nghĩ ai biết nó là cái gì và tất cả đều không biết bằng cách nào để có nó". Đây cũng là một cách nói để nói lên rằng vấn đề rất khó khăn và công việc tiếp cận tiếp cận xác định, còn việc có trở thành được quy định bằng vào đồng nghiệp công thế giới thì không chỉ là vấn đề ưu tiên trong việc tiếp cận học mà những lợi ích muốn được quốc tế ghi nhận phải tích cực phấn đấu, dù đó là Harvard, Yale, Columbia, Oxford hay Cambridge thì cũng không phải là tự mình cho mình cái

đặc quyên. Tất cả vốn dĩ là kết quả của bất đào tạo sinh viên đào tạo cao học kết quả nghiên cứu khoa học, kết quả chuyên gia công nghệ mới là phần xác định.

Thức tế Việt Nam hiện nay còn thiếu chuyên đội nhân kinh tế thị trường kinh tế bao cấp sang thị trường kinh tế thị trường đang có nhu cầu vốn dĩ còn phải mò mẫm, tìm kiếm, khai phá bởi vì xuất phát của chúng ta còn thiếu kinh nghiệm của nhân kinh tế thị trường trong quá khứ của nhu cầu và thói quen tâm của chúng ta thì làm việc mà cách thức làm việc của chúng ta còn nhu cầu đi vào bất cấp.

Việc xây dựng quan niệm và các trường đội hình đội ngũ cấp độ ta cũng có một bộ phận rất mạnh mẽ nhanh chóng đưa một vài đội hình Việt Nam vào bằng xếp hàng của quốc tế và khu vực. Khuynh hướng tăng cường của việc xây dựng chất lượng và tăng cường đội ngũ bộ phận của đội ngũ tiến bộ đội ngũ cấp chúng tôi cho là hợp lý hơn. Thốt ra không nên quan tâm đến việc xếp hàng bởi vì hai lý do a) nếu xếp hàng bây giờ thì các đội hình Việt Nam của có hàng nào thiếu cấp độ, b) những cấp độ của chúng ta trong tiến bộ xếp hàng cũng còn phải phần đội ngũ rất nhiều đội ngũ cấp độ nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng nghiên cứu khoa học và chất lượng sản phẩm nghiên cứu.

Có thể nói rằng công nhân năm năm, mười năm, hai mươi năm thì đội ngũ cấp độ khu vực đội hình Việt Nam vốn rất hợp nhân những con đường đi đến sản xuất chuyên đội đó thì như thế nào bằng cách nào thì bên trong là nội lực bên ngoài là đội ngũ nhà nước và các nguồn tìm kiếm. Cũng cần phải có lộ trình, có những bước đi thích hợp chuyên đội chính mình thị trường trường đội hình của có danh đến có danh, từ danh ít đến danh nhiều, từ có danh trong nước đến có danh trong khu vực, từ danh trong khu vực đến danh quốc tế.

Đây có vốn dĩ vai trò của nhà nước. Đội hình đội ngũ sao cũng là công việc giáo dục mang tính phi lợi nhuận. Nhà nước cũng phải lo rất nhiều chuyên và chính phải tìm cách đưa đội ngũ nâng cấp các trường đội hình có tiềm năng đến đến vốn dĩ triển. Thế đội, khuyến khích một số cấp độ giáo dục hiện tại ra những trường đội hình mới và đi đến mở mở có chất lượng mới và thói quen là nếu vốn dĩ tiến những trường đội hình có đội ngũ cấp độ mà nhà nước không đưa thì chắc chắn không thể có.

Cấp độ đội hình thì phải suy nghĩ tại sao công nhân phải có trường đội hình đội ngũ cấp độ? Tôi nhìn đội hình và triển đội hình này là gì và nhà nước ta có thể làm cho bao nhiêu trường trong số hàng trăm số đội hình đó vốn dĩ đội ngũ cấp độ cao? Chỉ cần nội lực nào là tốt nhất trong hoàn cảnh trong thức tế hiện tại? Trong nghiên cứu khoa học không chỉ là công bố kết quả công trình nghiên cứu khoa học, không chỉ là nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên nghiên cứu, một công việc rất lớn nữa là công việc

quản trị đội hình

. Quản trị đội hình là một công việc rất mới Việt Nam bởi vì trước kia đội hình nằm trong thị trường công lập hoàn toàn và do nhà nước, do các bộ chức quản quy định định và quản trị đó mang tính chất hành chính hoá còn giờ đây nếu phát triển năng lực và phát triển cạnh tranh thì rõ ràng việc quản trị đó xuất hiện trong những tình hình mới là phải có tính thực, thị trường đi vào hành phù hợp và có quy định quy định những đội hình và nhân lực trong khuôn khổ đi vào hành của của pháp luật. Quản trị đội hình rõ ràng mạnh mẽ mới thì kinh nghiệm cũng là phải nắm bắt hoá các tiếp xúc quốc tế, bởi vì đội hình quốc tế có khác với ta (chúng ta hơn như tính thực tính

quyền của các đội hình và mối liên hệ giữa nó và sự quy định của nhà nước cũng khác (ta) chỉ này  
phải suy nghĩ phải tìm cách làm thế nào để quyền trẻ là để phát triển quyền trẻ là để tăng cường  
tính hợp tác để tăng cường tính năng động và tạo ra động lực cho các hoạt động.

Nói tóm lại, thi đấu nghệ không có một công thức chung nào hay một thủ tục nào  
đều mà tạo ra những trường hợp đội hình để nâng cao mà vẫn để đi lên kiến thức của một quốc gia đi lên  
kiến thức của một vùng miền đi lên kiến thức của từng đội và sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại cho  
thực sự rõ ràng phải tìm một hướng đi cụ thể một lối đi riêng cho từng đội và để nâng cao đội hình  
tư tưởng kinh nghiệm mà giữ gìn trong tư tưởng. Chung quy là đội hình của chúng ta ví dụ như Đội hình  
Quốc gia Hà Nội làm thế nào để tư tưởng trung tâm của người học là học chuyên gia giỏi, nâng  
nhân tài rồi phải đưa động hóa người học và cách thức quy định phải linh hoạt phải tư tưởng theo  
những con đường đã tạo thành để quá trình này để đưa hoá kinh nghiệm quốc tế. Trên thực tế  
Việt Nam một phát triển trên mô hình đội hình học nghề, tầm nhìn trung hạn, dài hạn còn hạn  
chỉ. Đội hình để nâng cao quốc tế hay là đội hình chất lượng cao đội hình nghiên cứu để là những  
hướng đi những trong thực tế thì có những trường hợp thì lý nghiên cứu làm thực tâm có những  
trường hợp lý công nghệ làm thực tâm có những nơi lý đào tạo người học làm thực tâm. Trường  
Khoa học xã hội và nhân văn phải tư tưởng trung vào người học tinh thần xã hội gắn với việc nhà  
trường tham gia giữ gìn quy định những vẫn để xã hội, phát triển bền vững. Cần nhìn nhận vẫn để này  
trong bối cảnh rất cụ thể là phải thực để có tầm quan trọng và ý thức phát triển trong đó trung  
tâm nhà trường vẫn là thực và trò. Làm thế nào để nâng cao chất lượng của người thực thông  
qua đào tạo nghiên cứu khoa học làm thế nào để đào tạo để học trò thông qua những hoạt  
động thực tiễn trong việc tư tưởng kiến thức gắn nó với xã hội để sinh viên ra để có thể nhanh  
chóng hoà nhập với xã hội để làm để những việc xã hội mong muốn và những người học xã  
hội mong đợi.

Vẫn để chúng ta không nên chỉ để học để mà  
*để nâng cao quốc tế*

mà chúng ta phải hành động xuất phát từ thực tế, không phải chỉ thực tuý thực theo những  
hoạt động PR mà phải làm thế nào để "hữu xạ tự nhiên hương" qua nâng cao chất  
lượng từng bước để đi tới. Làm thế nào tìm kiếm để của người học để đi vào và quyền trẻ tới nó. Phải  
phải hợp nhân tạo của sự thành công và có để của khuôn khổ của sự quy định tới, không bị giữ  
hạn bởi những khó khăn để của một, tầm thực để tìm để của cách để thích hợp cho mình Thi đấu nghệ  
đó vẫn là con đường tới nhất để mà những để của phát triển đào tạo và nâng cao chất lượng những  
tham gia vào sự phát triển kinh tế xã hội trong đi lên kiến thức của ta phải tham gia  
vào phát triển kinh tế xã hội và trong vòng 10 năm tới các trường để hình Việt Nam vẫn phải  
tham gia vào công cuộc xoá đói giảm nghèo phát triển bền vững xã hội trước khi đi tới mức tiêu  
cao hơn.

**Đình Văn Đức**